

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2021/HN-ST

Ngày: 24-02-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thanh Nhân**

2. Ông **Trần Thanh Sang**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 768/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 613/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Hồng Đ**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm TH, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BQ, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ trình bày, bà và ông Nguyễn Văn T quen biết qua mai mối và sống chung vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng không có trách nhiệm với vợ con, bất đồng quan điểm, thường xuyên lấy lý do đi làm vắng nhà 02, 03 tháng mới về. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Đ xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 08/8/2005, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 21/01/2014, hiện 02 con đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không

yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà Đ và triệu tập họp lệ, nhưng ông không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải, nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Phạm Hồng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Phạm Hồng Đ khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú ấp BQ, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Bà Phạm Hồng Đ và ông Nguyễn Văn T sống chung vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng không có trách nhiệm với vợ con, bất đồng quan điểm, thường xuyên lấy lý do đi làm vắng nhà 02, 03 tháng mới về. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà Đ xin ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Đ và ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà Đ và triệu tập họp lệ ông T để giải quyết, nhưng ông không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi hòa giải, điều này chứng tỏ tình cảm của ông T đối với bà Đ không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, nên yêu cầu của bà Đ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà Đ xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 08/8/2005, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 21/01/2014, hiện đang sống với bà Đ. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở điều kiện, nuôi dưỡng về vật chất, cũng như tinh thần, đảm bảo cho con chung phát triển tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội. Mặt khác, cũng phải căn cứ nguyện vọng của con chung để xem xét. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Th và cháu Y có nguyện vọng sống chung với bà Đ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và đáp ứng nguyện vọng của

cháu Th, nên yêu cầu của bà Đ về việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

Do bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Đ xác định vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Bà Đ xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Phạm Hồng Đ** xin ly hôn ông **Nguyễn Văn T**.

Về quan hệ con chung: Bà Đ được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 08/8/2005, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 21/01/2014, hiện đang sống với bà Đ. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận bà Đ xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà Đ, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà Phạm Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai số 0013658 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa An;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức